

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày 13/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Văn Chắt
<i>Thẩm phán:</i>	Bà Vũ Thị Yên
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Nguyễn Văn Khóa Bà Dương Thị Kim Hồng Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 và các thông báo thay đổi lịch phiên tòa đối với bị cáo:

Đặng Thị Bích T, sinh ngày 06/02/1992; Nơi ĐKKHKT: Tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; chỗ ở: Số 70, phố P, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn : 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân N và bà Nguyễn Thị P; Gia đình có 04 anh chị em, T là con thứ hai; có chồng là Hoàng Hùng C (đã ly hôn năm 2019) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/02/2020 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người bào chữa: Ông Phan Ngọc N – Luật sư Công ty luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 332 đường L, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Bị hại:

1. Anh Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Anh Bùi Công N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người có quyền lợi liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu 1 phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt)

2. Anh Đặng Hà Bảo P, sinh năm 1998; địa chỉ: Thị trấn S, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Đồng thời là người làm chứng - Có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị I, sinh năm 1986; địa chỉ: KDC T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Chị Nhữ Lệ Y, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6 thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

4. Chị Đỗ Thị U1, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 1 xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

5. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 2001; địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

6. Ông Đặng Xuân N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thị trấn S, huyện B, tỉnh Hà Giang.

7. Anh Nguyễn Ích M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

8. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

9. Anh Hoàng Hùng C, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 14 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

10. Anh Đào Anh Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 27 tổ 9 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

11. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 14 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

12. Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 11 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

13. Anh Phạm Anh T, sinh năm 1991; địa chỉ: phố Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

14. Chị Đinh Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 14 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

15. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 10 phố P, tổ 7 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

(Ông Đặng Xuân N và anh Hoàng Hùng C có mặt, những người làm chứng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, anh Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1989, trú tại: thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên làm việc tại Công ty TNHH G, địa chỉ: xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Năm 2019, anh Đ quen biết với Đặng Thị Bích T khi T đang ở trọ cùng em trai là Đặng Hà Bảo P, sinh năm 1998 tại địa chỉ: số 70, phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; T sử dụng tài khoản: “N” đăng nhập mạng xã hội Zalo thường xuyên nhắn tin, gọi điện nói chuyện với anh Đ, sử dụng tài khoản Zalo: “H”. Khoảng đầu tháng 02/2020, do tình hình dịch bệnh Covid-19, qua mạng Zalo, anh Đ nhờ T tìm mua khẩu trang y tế bán lại cho Công ty TNHH G để trang bị cho công nhân trong công ty phòng chống dịch Covid-19. Cũng trong thời gian này T sử dụng điện thoại di động Iphone Xs Max tham gia đánh bạc trên mạng Internet tại các trang web: “Nohu365.club”, “Kingtop.club” nên T đồng ý tìm mua khẩu trang để bán lại cho anh Đ lấy tiền chênh lệch để sử dụng đánh bạc. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động đăng nhập, tìm kiếm trên mạng xã hội Facebook thấy có một nhóm mua bán khẩu trang y tế, T đăng bài trong nhóm với nội dung muốn mua 50 thùng khẩu trang y tế loại 04 lớp thì có một người sử dụng tài khoản Facebook tên: “Đ”, nhắn tin bằng ứng dụng Messenger đến tài khoản Facebook: “Đặng Bích T” của T trao đổi về việc mua bán khẩu trang, đưa ra thông tin có khoảng 25 thùng khẩu trang bên trong có 125 hộp khẩu trang, cho số tài khoản và yêu cầu T đặt cọc 1.500.000 đồng thì T không đồng ý và không liên lạc với người này nữa.

Khoảng 18 giờ ngày 06/02/2020, anh Đ gặp anh Bùi Công N, sinh năm 1988, trú tại: thôn K, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương là bạn làm việc cùng Công ty TNHH G tại một quán nước gần công ty; anh Đ gọi điện thoại qua mạng Zalo cho T hỏi đã tìm được chỗ bán khẩu trang y tế chưa thì T trả lời vẫn đang tìm. Anh N thấy anh Đ nói chuyện với T về việc mua bán khẩu trang y tế nên đã lấy số điện thoại của T để kết bạn qua mạng Zalo với T và sử dụng tài khoản: “N chocopie” nói chuyện với tài khoản: “N” của T nhờ tìm mua khẩu trang y tế để tìm khách hàng bán kiếm lời, T đồng ý.

Sáng ngày 07/02/2020, để có tiền tham gia đánh bạc trên mạng Internet, T gọi điện, nhắn tin cho anh Đ nói có người giới thiệu cho T hàng khẩu trang y tế ở khu vực ngã tư P, tỉnh Hưng Yên với số lượng khoảng 80 thùng có đầy đủ hóa đơn giấy tờ, giá 55.000 đồng/01 hộp, 2.750.000 đồng/01 thùng, tiền cọc là 30.000.000 đồng, anh Đ đồng ý lấy hàng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Đ gọi điện thoại cho bạn là chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 2001, trú tại xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An nhờ chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản của T, chị M1 đồng ý rồi sử dụng ứng dụng chuyển tiền Smartbanking trên điện thoại di động để chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng số 19034780015015 của chị

M1 mở tại Ngân hàng Thương mại CP Kỹ thương Việt Nam (*Viết tắt là Techcombank*) - Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch D, tỉnh Nghệ An đến tài khoản Ngân hàng số 104001704205 của T mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*Viết tắt là VietinBank*) - Chi nhánh Hà Giang, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Viết tắt là tài khoản Vietinbank của T*). Nhận được 30.000.000 đồng do chị M1 chuyển đến, từ hồi 21 giờ 09 phút đến hồi 21 giờ 27 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay trên điện thoại di động chuyển 04 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng từ tài khoản VietinBank của T đến tài khoản số 102869513696 mở tại VietinBank, chi nhánh 10, thành phố M, chủ tài khoản là Nguyễn Văn O, sinh năm 1991, trú tại: thôn B, xã D, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (*Viết tắt là tài khoản Vietinbank của O*) để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

Từ ngày 08/02/2020 đến ngày 10/02/2020, T đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin đề nghị anh Đ, anh N chuyển tiền để lấy hàng; khi anh Đ, anh N đề nghị xem hàng thì T lấy lý do hàng đã bị mua rồi nên hẹn hôm khác. Để tạo niềm tin cho anh Đ, anh N, T sử dụng điện thoại di động truy cập mạng Internet tải về một số hình ảnh khẩu trang y tế và mượn máy điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S có lắp sim số 0355.981.601 của anh Đặng Hà Bảo P (*em trai T*), tạo một đoạn tin nhắn có nội dung trao đổi về việc lấy hàng và lưu tên P tại ứng dụng Zalo trên điện thoại của T là: “*Khẩu Trang P*” rồi nhắn tin vào tài khoản Zalo: “N” của T, chụp màn hình cuộc nói chuyện này gửi cho tài khoản Zalo của anh Đ, anh N.

Trưa ngày 11/02/2020, để có tiền tham gia đánh bạc trên mạng Internet, T gọi điện thoại, nhắn tin cho anh Đ, anh N yêu cầu mỗi người chuyển cho T 40.000.000 đồng để T đặt cọc mua khẩu trang y tế, cả hai anh đồng ý. Sau đó, anh Đ gọi điện thoại cho bạn làm cùng Công ty TNHH G là chị Đỗ Thị U1, sinh năm 1989, trú tại: xóm 1, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng nhờ chuyển 40.000.000 đồng đến tài khoản của T, chị U1 đồng ý rồi sử dụng ứng dụng chuyển tiền Vietcombank chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng số 0491000156156 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh L, địa chỉ: quận C, thành phố Hà Nội (*Viết tắt là tài khoản Vietcombank của chị U1*) đến tài khoản VietinBank của T. Nhận được 40.000.000 đồng do chị U1 chuyển đến, hồi 12 giờ 48 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản VietinBank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T. Cùng trong thời điểm này, anh N đến cửa hàng Viettel tại thị trấn G, huyện G sử dụng dịch vụ chuyển tiền của Viettel chuyển 40.000.000 đồng đến tài khoản VietinBank của T. Hồi 13 giờ cùng ngày, T nhận được 40.000.000 đồng do anh N chuyển đến rồi sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản của T, gồm: Hồi 13 giờ 33 phút cùng ngày, T chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản số 8200205252380 của anh Đ mở tại

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Viết tắt là tài khoản Agribank của anh Đ*) để trả cho anh Đ 10.000.000 đồng; hồi 13 giờ 45 phút cùng ngày, T chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản Agribank số 8205215001310 của bố đẻ là ông Đặng Xuân N, sinh năm 1962, trú tại thị trấn S, huyện B, tỉnh Hà Giang để trả nợ (*Viết tắt là tài khoản Agribank của ông N*), ông N đã sử dụng cá nhân hết số tiền này; số tiền còn lại là 20.000.000 đồng của anh N, T chưa sử dụng. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động tham gia đánh bạc và thắng được số tiền quy đổi từ tiền ảo trong ứng dụng đánh bạc trên mạng là “số nổ” thành tiền là 81.000.000 VNĐ và được tài khoản số 19035259452022, chủ tài khoản Nguyễn Đào Thanh A mở tại Techcombank - Chi nhánh Q, địa chỉ: 170C, Q, phường 10, quận G, thành phố M, chuyển 81.000.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T, cộng với số tiền 20.000.000 đồng nhận trước đó của anh N thì tài khoản Vietinbank của T có tổng số tiền 101.000.000 đồng. T đã sử dụng ứng dụng VietinBankIpay thực hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản Vietinbank của T đến các tài khoản sau: chuyển 70.000.000 đồng đến tài khoản Agribank của anh Đ để trả lại anh Đ với lý do chưa mua được khẩu trang (*Đến thời điểm này T đã chuyển cho anh Đ tổng số tiền là 80 triệu đồng trong đó có 10.000.000 đồng đã nêu ở trên*). Số tiền còn lại là 31.040.310 đồng, T tiếp tục chuyển đến các tài khoản Vietinbank của O, tài khoản Vietinbank số 106871043071, chủ tài khoản Vũ Thành R, sinh năm 1975, trú tại tổ 4, khu 3, phường G, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (*Viết tắt là tài khoản Vietinbank của R*) để nạp tiền vào các tài khoản đánh bạc trên mạng.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, để tiếp tục có tiền tham gia đánh bạc, T nhắn tin, gọi điện cho anh Đ, anh N đưa ra nhiều lý do khác nhau như đơn hàng khẩu trang y tế có giá trị lớn nên khó khăn trong việc vận chuyển và yêu cầu anh Đ chuyển 70.000.000 đồng, anh N chuyển 40.000.000 đồng cho T để lấy hàng và cam kết đến ngày 12/02/2020 sẽ nhận được hàng. Anh Đ, anh N đồng ý, sau đó, lần lượt anh N sử dụng ứng dụng InternetBanking chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản số 26110000399278 của anh N mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T, địa chỉ: quận K, thành phố Hà Nội (*Viết tắt là tài khoản BIDV của anh N*) đến tài khoản Vietinbank của T; anh Đ sử dụng ứng dụng E-Mobile Banking chuyển 70.000.000 đồng từ tài khoản Agribank của anh đến tài khoản Vietinbank của T; tổng số tiền anh Đ, anh N đã chuyển cho T là 110.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền do anh Đ, anh N chuyển đến, T đã sử dụng ứng dụng VietinBankIpay thực hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản Vietinbank của T đến các tài khoản sau:

- Hồi 21 giờ 28 phút cùng ngày, T chuyển 50.000.000 đồng đến tài khoản Agribank của bố đẻ là ông N để trả nợ. Hồi 02 giờ 05 phút ngày 12/02/2020, ông N đã chuyển khoản từ tài khoản Agribank của ông N đến tài khoản

Vietinbank của T 48.000.000 đồng cho T vay giải quyết công việc cá nhân, nhận được tiền T chuyển 48.000.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T; còn lại số tiền 2.000.000 đồng ông N đã sử dụng cá nhân hết.

- Hồi 21 giờ 30 phút cùng ngày, T chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản số 8200205252380 của T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, địa chỉ: thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Viết tắt là tài khoản Agribank của T*), rồi chuyển tiền từ tài khoản Agribank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

- Hồi 21 giờ 33 phút đến 21 giờ 44 phút cùng ngày, T chuyển 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

Sáng ngày 12/02/2020, anh Đ, anh N đến nhà nghỉ ở khu vực ngã tư P, tỉnh Hưng Yên nhắn tin, gọi điện cho T hỏi thời gian lấy hàng thì T lấy lý do có đoàn kiểm tra nên chưa lấy được hàng và hẹn đến chiều cùng ngày. Do lo lắng nên anh Đ đã đi đón T tại đầu đường P, quận H, thành phố Hà Nội đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh Đ và T đến ngã tư P, tỉnh Hưng Yên cùng anh N ngồi nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, T bảo anh N chuyển cho T 134.000.000 đồng để lấy hàng, anh Đ chuyển cho T 40.000.000 đồng để lấy hàng, anh Đ và anh N đồng ý. Sau đó, anh N đã sử dụng ứng dụng Internetbanking chuyển 03 lần với tổng số tiền là 134.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của anh đến tài khoản Vietinbank của T. Sau khi nhận được 134.000.000 đồng do anh N chuyển, từ hồi 15 giờ 12 phút đến hồi 16 giờ 35 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 03 lần với tổng số tiền là 134.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T. Anh Đ gọi điện thoại cho chị Đỗ Thị U1 đề nghị cho mượn 40.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của T, chị U1 đồng ý rồi sử dụng ứng dụng chuyển tiền Vietcombank chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản Vietcombank của chị đến tài khoản Vietinbank của T; hồi 16 giờ 44 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T. Thực hiện xong các giao dịch, T, anh Đ và anh N đến nhà nghỉ ở khu vực ngã tư P, tỉnh Hưng Yên để chờ lấy hàng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, T bảo anh Đ, anh N là T đến chỗ hẹn để nhận hàng và đi xe khách về phòng trọ ở phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Trong lúc chờ T, anh N gọi điện báo chị Nhữ Lệ Y, sinh năm 1987, trú tại: thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đặt mua khẩu trang của anh N đến ngã tư P, tỉnh Hưng Yên để nhận hàng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, chị Y đến ngã tư P gặp anh N, anh Đ để chờ T gọi điện lấy hàng như đã hứa hẹn. Đến khoảng 18

giờ 15 phút cùng ngày, anh Đ, anh N liên tục nhắn tin, gọi điện qua Zalo hỏi về số hàng khẩu trang thì T đưa ra lý do hàng hóa đang bị cơ quan chức năng kiểm tra và đưa về trụ sở, T sẽ trả lại tiền cho anh Đ, anh N. Lúc này, T sử dụng điện thoại di động tham gia đánh bạc trên mạng Internet được số tiền quy đổi từ tiền ảo “số nổ” là 263.250.000 đồng và được tài khoản Techcombank số 19035259452022 đứng tên Nguyễn Đào Thanh A chuyển 263.250.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T. Nhận được tiền, T đã sử dụng ứng dụng chuyển tiền VietinBankIpay chuyển 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản Agribank của anh Đ để trả lại anh Đ, anh N mỗi người 100.000.000 đồng; anh Đ đã chuyển khoản trả anh N 100.000.000 đồng và chuyển khoản trả 80.000.000 đồng cho chị Đỗ Thị U1 đã mượn trước đó.

Chiều ngày 13/02/2020, do cần tiền đánh bạc trên mạng Internet, T gọi điện, nhắn tin cho anh Đ, anh N nói có bạn của anh rở là cán bộ bệnh viện Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ có từ 100 đến 120 thùng hàng khẩu trang y tế có đầy đủ hóa đơn giấy tờ đang bán và bảo anh Đ chuyển cho T 20.000.000 đồng, anh Đ đồng ý và sử dụng ứng dụng E-Mobile Banking chuyển 15.000.000 đồng từ tài khoản Agribank của anh đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 18 giờ 55 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 15.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của R để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Kingtop “T” của T. Tiếp đó, anh Đ nhờ bạn là chị Vũ Thị Thu U2, sinh năm 1983, trú tại 174A đường Đ, phường L, quận C, thành phố Hải Phòng chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản của T, chị Thu U2 đã chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản số 2520105253002 của chị mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MBbank) - Chi nhánh Nam Hải Phòng, phòng giao dịch C, thành phố Hải Phòng vào tài khoản của T. Hồi 19 giờ 04 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng chuyển tiền VietinBankIpay chuyển 5.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

Tiếp đó do muốn lấy thêm hàng nên anh Đ gọi điện, nhắn tin cho T đặt vấn đề lấy thêm 10 thùng hàng, T đồng ý và nói với anh Đ số lượng hàng lớn nên phải chuyển hơn 100.000.000 để lấy hàng, anh Đ đồng ý và sử dụng ứng dụng E-Mobile Banking chuyển 85.000.000 đồng từ tài khoản Agribank của anh đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 20 giờ 15 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 85.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T. Ngoài ra từ ngày 13/02/2020 đến ngày 14/02/2020, anh Đ sử dụng ứng dụng E-Mobile Banking chuyển 02 lần mỗi lần 2.000.000 đồng từ tài khoản Agribank của anh đến tài khoản Vietinbank của T để cho T chi tiêu cá nhân và ăn sáng không liên quan đến việc mua bán khẩu trang.

Anh N khi nhận được thông tin T trao đổi về việc lấy hàng khẩu trang y tế nêu trên thì đồng ý lấy hàng, trong ngày 13/02/2020 đã chuyển tổng số tiền là 199.000.000 đồng cho T, gồm:

- Lần thứ nhất, anh N gọi điện cho em họ là chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992, trú tại: thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhờ chuyển 20.000.000 đồng cho T, chị H đồng ý và sử dụng ứng dụng Internetbanking chuyển 20.000.000 đồng từ tài khoản số 0341006963245 của chị mở tại Vietcombank - Chi nhánh Hải Dương đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 17 giờ 03 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 20.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T vào tài khoản Vietinbank của R để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Kingtop “T” của T.

- Lần thứ hai, anh N gọi điện thoại cho chị gái là chị Bùi Thị I, sinh năm 1986, trú tại: khu dân cư T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương nhờ chuyển 50.000.000 đồng cho T; chị I đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị đến cửa hàng Viettel tại thị trấn G sử dụng dịch vụ chuyển - nạp tiền của Viettel chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản Vietinbank của T. Hồi 17 giờ 12 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản của T vào tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

- Lần thứ ba, anh N gọi điện cho bạn là anh Vũ Xuân N1, sinh năm 1989, trú tại: thôn Thượng Bì, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương nhờ chuyển 40.000.000 đồng cho T, anh Xuân N1 đồng ý và sử dụng ứng dụng ViettelPayPro chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản số 2710101425007 của anh mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần quân đội - Chi nhánh Hải Dương (*Viết tắt là tài khoản Mbbank của anh Xuân N1*) vào tài khoản của T. Hồi 18 giờ 40 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

- Lần thứ tư, anh N gọi điện cho chị Nhữ Lệ Y nhờ chuyển 89.000.000 đồng cho T, chị Y đồng ý và sử dụng ứng dụng Internet banking chuyển 89.000.000 đồng từ tài khoản số 32110000901980 của chị Y mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh quận B, thành phố Hải Phòng (*Viết tắt là tài khoản BIDV của chị Y*) đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 21 giờ 13 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 80.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T; hồi 12 giờ 55 phút ngày 14/02/2020 chuyển 2.000.000 đồng đến tài khoản Agribank của bố để là ông N để trả nợ, ông N đã sử dụng cá nhân hết. Số tiền còn lại T giữ lại trên tài khoản Vietinbank của T.

Sáng ngày 14/02/2020, T ở phòng trọ nhắn tin, gọi điện cho anh Đ, anh N nói xe đang chuẩn bị chuyển hàng khẩu trang y tế và chở đến Hải Dương. Để tạo niềm tin cho anh Đ, anh N, T dùng điện thoại di động Iphone Xs Max truy cập mạng tải về hình ảnh một số mẫu khẩu trang y tế lưu trong máy, đồng thời sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S mượn của em trai là anh P lắp sim số 0355.981.601 và lưu tên người sử dụng trên danh bạ điện thoại của T là: “C” rồi sử dụng điện thoại Iphone 6S nhắn tin bằng ứng dụng iMessenger đến điện thoại di động của T lắp sim số 0947.846.999 có nội dung trao đổi về việc mua bán, vận chuyển hàng khẩu trang y tế kèm theo hình ảnh để chứng minh; T chụp ảnh màn hình điện thoại đoạn tin nhắn tại điện thoại của T và gửi Zalo cho anh Đ, anh N. Quá trình T tham gia đánh bạc trên mạng thắng được số tiền quy đổi từ tiền ảo (“số nổ”) thành tiền là 364.070.000 VNĐ và được tài khoản Techcombank số 19035259452022 tên Nguyễn Đào Thanh A chuyển 364.070.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T. Sau khi nhận được số tiền này, T đã gọi điện, nhắn tin cho anh N về việc người bán không cần đặt cọc, sẽ trả lại tiền cho anh N và sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 02 lần với tổng số tiền là 168.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản BIDV của anh N. Số tiền còn lại T sử dụng để chuyển tiền mua sim, chuyển cho một số bạn bè để trả nợ và chuyển tiền để nạp vào các ứng dụng trò chơi đánh bạc trên mạng. Sau khi đánh bạc trên mạng bị thua hết tiền và muốn có tiền để tiếp tục đánh bạc, T đã gọi điện, nhắn tin bảo anh N chuyển số tiền 168.000.000 đồng để T giao dịch thanh toán với người bán khẩu trang y tế; anh N đồng ý và sử dụng ứng dụng Internetbanking chuyển 168.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của anh đến tài khoản Vietinbank của T. Sau khi nhận được tiền của anh N, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển tiền từ tài khoản Vietinbank của T đến các tài khoản sau:

- Hồi 10 giờ cùng ngày, T chuyển 7.500.000 đồng đến tài khoản Agribank số 103004685327 của bạn là anh Nguyễn Ích M, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội để trả nợ; số tiền này anh M đã sử dụng cá nhân hết.

- Hồi 10 giờ 09 phút cùng ngày, T chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản Agribank số 8213205018061 của bạn là chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, nhờ chị Đ đem đến trả nợ cho chồng cũ là anh Hoàng Hùng C, sinh năm 1990, trú tại tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Chị Đ đã rút ATM 2.000.000 đồng đưa cho anh C; anh C đã sử dụng cá nhân hết.

Sau khi chuyển tiền cho hai người trên, số dư trên tài khoản Vietinbank của T có 158.591.510 đồng. T sử dụng điện thoại di động tiếp tục tham gia đánh bạc trên mạng thắng được số tiền quy đổi từ tiền ảo (“số nổ”) thành tiền là 205.740.000 đồng và được tài khoản Techcombank số 19035259452022 tên

Nguyễn Đào Thanh A chuyển 205.740.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T. Lúc này, tài khoản Vietinbank của T có tổng số tiền 364.331.510 đồng. T đã sử dụng số tiền này chuyển khoản cho nhiều người để trả nợ, nạp tiền vào các tài khoản đánh bạc trên mạng.

Đến khoảng 13 giờ ngày 14/02/2020, anh Đ, anh N liên tục gọi điện thoại giục T lấy hàng thì T lấy lí do đang đi xe ôm công nghệ Grab đến cầu T, thành phố Hà Nội thì người lái xe Grab chở T bị lực lượng Công an bắt giữ vì liên quan đến ma túy, T phải đi cùng để giải quyết, người lái xe ô tô chở hàng khẩu trang đã lừa T bán số hàng khẩu trang đi nên không có hàng. Sau khi nghe T giải thích, anh Đ, anh N yêu cầu T trả lại tiền thì T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 90.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Agribank của anh Đ, chuyển 02 lần với tổng số tiền là 199.000.000 đồng đến tài khoản BIDV của anh N. Số tiền còn lại, T tiếp tục sử dụng để chuyển khoản cho nhiều người để trả nợ, sử dụng cá nhân và nạp tiền vào các tài khoản đánh bạc trên mạng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 14/02/2020, để có tiền tham gia đánh bạc, T đã gọi điện, nhắn tin cho anh N, anh Đ nói anh rẻ và bạn của anh rẻ T đã tạo áp lực để lái xe mang hàng về trả lại 120 thùng hàng, nếu lấy họ sẽ để lại số hàng này hoặc họ sẽ có lô hàng mới bù lại, T đã làm việc và cam kết hàng hóa giấy tờ đầy đủ, giá là 4.000.000 đồng/01 thùng. Anh N tin tưởng nhờ T lấy hàng, T nói số lượng hàng lớn phải chuyển số tiền 199.000.000 đồng để đặt cọc nhưng anh N nói chỉ còn 190.000.000 đồng thì T đồng ý; anh N sử dụng ứng dụng Internetbanking chuyển 190.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của anh đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 17 giờ 12 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 90.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T, còn lại 100.000.000 đồng trong tài khoản T chưa sử dụng. Quá trình đánh bạc trên mạng, T thắng được số tiền quy đổi từ tiền ảo (“số nổ”) thành tiền là 216.513.000 VNĐ và được tài khoản Techcombank số 19035259452022 tên Nguyễn Đào Thanh A chuyển 216.513.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T, cộng với số tiền 100.000.000 đồng còn lại của anh N chuyển trước đó thì tài khoản Vietinbank của T có tổng số tiền là 316.598.210 đồng, T đã sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển tiền từ tài khoản của T đến các tài khoản sau:

- Hồi 18 giờ 22 phút cùng ngày, T chuyển 17.500.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng Agribank số 8200205033441 của bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962, trú tại: tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang để trả nợ, bà P đã sử dụng cá nhân hết.

- Hồi 18 giờ 27 phút cùng ngày, T chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng Agribank của bố đẻ là ông N để trả nợ, ông N đã sử dụng cá nhân hết.

- Hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, T chuyển 15.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng Agribank số 8200205131327 của chị Trần Thị M2, sinh năm 1982, trú tại 128, tổ 1, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh Hà Giang để trả nợ, chị M2 đã sử dụng cá nhân hết.

- Hồi 19 giờ 21 phút đến hồi 19 giờ 22 phút cùng ngày, T chuyển 02 lần tổng số tiền 24.000.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

Quá trình T đánh bạc thắng được số tiền quy đổi từ tiền ảo (“số nổ”) thành tiền là 39.360.000 VNĐ và được tài khoản số 19032879504015 tên Phạm Hồng S mở tại Techcombank - Chi nhánh U, tỉnh Quảng Ninh chuyển 39.360.000 đồng đến tài khoản Vietinbank của T. Lúc này tài khoản Vietinbank của T có 289.428.510 đồng, T đã sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển khoản 2.000.000 đồng đến tài khoản Vietinbank số 104000242627 của chị Đinh Thị N, sinh năm 1981, trú tại: tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang để trả nợ, chị N đã sử dụng cá nhân hết; chuyển 07 lần với tổng số tiền là 276.000.000 đồng vào tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T, sau đó T hẹn anh N đến ngày 15/02/2020 đến tỉnh Phú Thọ để lấy hàng.

Sáng ngày 15/02/2020, khi T đang ở khu vực công chào P thuộc quận H, thành phố Hà Nội, để tiếp tục có tiền tham gia đánh bạc, T nhắn tin, gọi điện thoại di động cho anh N nói số tiền 190.000.000 đồng anh N đã chuyển ngày 14/02/2020 vào tài khoản Vietinbank của T không rút ra được, T sẽ trả lại sau, T đã liên hệ và có 110 đến 120 thùng hàng khẩu trang y tế mới có đầy đủ hóa đơn giấy tờ, giá 4.000.000 đồng/01 thùng, nếu anh N muốn lấy số hàng mới này thì chuyển 200.000.000 đồng đặt cọc vào tài khoản cho T để đi lấy hàng. Anh N nghi ngờ và bảo T ghi âm hoặc gửi hình ảnh T giao dịch với bên bán hàng cho anh N xem. Để tạo niềm tin cho anh N, T nhập tên của chủ thuê bao số điện thoại 0355.981.601 của em trai là anh P trong danh bạ điện thoại Iphone XS Max lắp sim số 0947.846.999 của T đang sử dụng là: “C”, mượn điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng lắp sim số 0355.981.601 của anh P, nhắn tin bằng ứng dụng iMessage từ điện thoại của T đến điện thoại của anh P với nội dung trao đổi về việc mua bán khẩu trang, cam kết sẽ lấy được hàng, nếu không sẽ đền tiền và chụp màn hình trên điện thoại của T rồi gửi cho anh N. Tiếp đó, T đến gặp 01 người đàn ông không quen biết làm nghề lái xe ôm trên đường, nhờ người này trả lời theo sự hướng dẫn của T về việc mua bán khẩu trang, T tháo sim 0355.981.601 trong điện thoại của P ra và lắp vào 01 sim “rác”(T không nhớ số của sim này), lấy số của người đàn ông này (T không nhớ số điện thoại), nhập tên vào danh bạ số điện thoại của người đàn ông trên máy của anh P là: “C”, gọi điện đến số của người đàn ông làm nghề lái xe ôm, nói chuyện trao đổi về việc mua bán khẩu trang, đồng thời T sử dụng điện thoại của mình ghi lại hình ảnh T

nói chuyện bằng điện thoại của anh P, nội dung trao đổi về việc cam kết mua bán hàng khẩu trang rồi gửi đoạn video này cho anh N. Nhận được hình ảnh, video có âm thanh T gửi về việc trao đổi mua bán khẩu trang, anh N tin tưởng nên rủ chị Nhữ Lệ Y đi đến Bệnh viện đa khoa Hùng Vương, địa chỉ xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để lấy hàng; trên đường đi, anh N nhận được điện thoại, tin nhắn của T qua mạng xã hội Zalo yêu cầu chuyển tiền cho T để đặt cọc mua hàng, anh N đồng ý rồi nhờ chị Y sử dụng ứng dụng Internet banking chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của chị Y đến tài khoản Vietinbank của T. Hồi 11 giờ 54 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 40.000.000 đồng từ tài khoản của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T. Tiếp đó, anh N gọi điện nhờ bạn là anh Xuân N1 chuyển 80.000.000 đồng cho T, anh Xuân N1 sử dụng ứng dụng chuyển tiền ViettelPayPro chuyển 02 lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng từ tài khoản MBbank của anh đến tài khoản Vietinbank của T cụ thể:

- Lần thứ nhất, anh Xuân N1 chuyển 50.000.000 đồng; nhận được tiền, hồi 12 giờ 23 phút cùng ngày, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 50.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

- Lần thứ hai, anh Xuân N1 chuyển 30.000.000 đồng; nhận được tiền, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của R để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Kingtop “T” của T.

Quá trình T tham gia đánh bạc trên mạng Internet bị thua hết tiền, để có tiền tham gia đánh bạc, T tiếp tục gọi điện, nhắn tin cho anh N yêu cầu chuyển tiếp tiền để đặt cọc mua hàng; anh N đã nhờ chị Y sử dụng ứng dụng Internet banking chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của chị Y đến tài khoản Vietinbank của T. Sau khi nhận được tiền chị Y chuyển, hồi 13 giờ 03 phút ngày 15/02/2020, T sử dụng ứng dụng VietinBankIpay chuyển 30.000.000 đồng từ tài khoản Vietinbank của T đến tài khoản Vietinbank của O để nạp tiền vào tài khoản đánh bạc Nohu “v” của T.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T tham gia đánh bạc bị thua hết tiền, để tiếp tục có tiền đánh bạc, T gọi điện, nhắn tin trao đổi với anh N do số lượng hàng nhiều phải nộp tiếp 200.000.000 đồng. Anh N nghi ngờ, yêu cầu T gửi mẫu hàng, vị trí của T và viết giấy nợ chụp hình lại gửi cho anh N. T sử dụng ứng dụng google map trên điện thoại di động tìm kiếm vị trí Bệnh viện đa khoa Hùng Vương, truy cập mạng tải hình ảnh các thùng khẩu trang đang để trong kho, viết giấy vay tiền anh N (*giấy vay tiền này sau đó T đã xé đi*), chụp ảnh màn hình và gửi hình ảnh thông qua mạng xã hội Zalo cho anh N để tạo niềm tin. Anh N tin tưởng đồng ý chuyển tiền nhưng nói Ngân hàng BIDV của chị Y không chuyển được tiền ngoài hệ thống và bảo T gửi số tài khoản của Ngân

hàng BIDV để chuyển tiền. Thấy vậy, T sử dụng điện thoại di động đã nhắn tin với tài khoản Zalo: “TT” là tài khoản hỗ trợ T khi tham gia đánh bạc trên trang mạng Internet: Nohu365.club và đề nghị cung cấp cho T tài khoản BIDV để chuyển tiền vào tài khoản đánh bạc của T; tài khoản này nhắn tin cho T tài khoản BIDV số 51010001656971 chủ tài khoản Trương Văn K có địa chỉ tại xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; T nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho anh N số tài khoản BIDV tên Trương Văn K. Anh N nhờ chị Y sử dụng ứng dụng Internet banking chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản BIDV của chị Y đến tài khoản BIDV tên Trương Văn K. T sử dụng điện thoại di động xác nhận thông qua ứng dụng Zalo với tài khoản: “TT” về việc chuyển tiền, đăng nhập tài khoản đánh bạc Nohu “v” của mình thấy tài khoản có 235.200.000 (“số nỏ”) tương ứng với 200.000.000 đồng thì tiếp tục tham gia đánh bạc và đã thua hết số tiền này. Sau đó, T không trả lời điện thoại, tin nhắn của anh N, anh Đ. Ngày 18/02/2020, anh N làm đơn tố cáo T gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G. Ngày 30/3/2020 anh Ngô Ngọc Đ có đơn tố cáo T gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương.

Như vậy, từ ngày 07/02/2020 đến ngày 15/02/2020, anh Đ, anh N đã chuyển cho T tổng số tiền là 1.406.000.000 đồng (*trong đó, anh N chuyển 1.121.000.000 đồng, anh Đ chuyển 285.000.000 đồng*). T đã trả lại anh Đ, anh N tổng số tiền là 737.000.000 đồng (*trong đó trả anh Đ 270.000.000 đồng, trả anh N 467.000.000 đồng*), còn lại chưa trả tổng số tiền là 669.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P1 ngày 06/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt là VKS) đã truy tố ra trước Tòa án Đặng Thị Bích T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội, xác nhận nội dung bản cáo trạng của VKS đúng với diễn biến sự việc, các lần chuyển tiền và số tiền chuyển đi, chuyển đến tài khoản của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo nhất trí tội danh và điều luật như VKS truy tố, trình bày rằng ban đầu bị cáo không có ý định chiếm đoạt tiền của anh Đ, anh N nhưng do không tìm mua được khẩu trang mà đang nợ tiền nên mới dùng tiền anh Đ, anh N chuyển để đánh bạc kiếm tiền trả nợ. Khi thắng bạc bị cáo đều chuyển tiền trả cho anh Đ, anh N nên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình, xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Nhất trí với tội danh như VKS truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết sau: Xuất phát từ việc anh Đ, anh N nhờ T mua khẩu trang hộ để bán kiếm lời, T đã tìm mua nhưng không mua được. Trong khi đó T đang thua bạc, rất cần tiền nên T mới nảy sinh ý định lấy tiền của anh Đ, anh N đánh bạc, mỗi lần thắng bạc bị cáo đều trả lại

tiền cho anh Đ, anh N. Như vậy T không có ý định chiếm đoạt tiền của bị hại từ trước mà do hoàn cảnh khách quan, bị hại chủ động nhờ và thúc giục T. Xét về hoàn cảnh gia đình T thì mẹ mất tích, chồng đã ly hôn, con còn nhỏ, T học xong đại học từ năm 2016 nhưng không có công việc ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, phải đi bán hàng thuê, sinh sống ở miền cao nên kém hiểu biết, trong thời gian đi làm gặp điều kiện khách quan dẫn đến phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện trả lại tiền và tác động gia đình nộp thêm 20.000.000đ để trả cho bị hại nên T được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLH, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên chưa đồng tình việc VKS đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng lợi dụng tình trạng dịch bệnh đối với T vì lý do: T không trực tiếp mua khẩu trang bán cho nhiều người trong tình hình dịch bệnh. Từ đầu do anh Đ, anh N nhờ T mua khẩu trang sau đó T mới nảy sinh ý định phạm tội. T chỉ lợi dụng nhu cầu mua của anh Đ, anh N chứ không lợi dụng tình trạng dịch bệnh để lừa nhiều người. Nếu có mua được khẩu trang thì chính anh Đ và anh N mới phạm tội đầu cơ với tình tiết tăng nặng lợi dụng dịch bệnh. Do đó đề nghị HĐXX xem xét.

- Bị hại anh Bùi Công N xác nhận nội dung bản cáo trạng của VKS đúng với diễn biến sự việc. Anh N trình bày bị cáo lừa anh rất nhiều lần và nhiều tiền, việc bị cáo chuyển trả tiền chỉ là một hình thức tạo niềm tin để tiếp tục lừa lần sau mà không phải bị cáo có ý thức trả lại tiền. Anh N không đồng tình người bào chữa cho rằng bị cáo là người miền cao kém hiểu biết vì bị cáo đã học xong đại học, hoàn toàn đủ hiểu biết và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó về trách nhiệm hình sự thì đề nghị HĐXX xử bị cáo mức án cao nhất. Về trách nhiệm dân sự thì anh N yêu cầu bị cáo trả anh số tiền 654.000.000đ, đề nghị được nhận toàn bộ số tiền 20.000.000đ ông N đã nộp để bồi thường thay bị cáo.

- Anh Đặng Hà Bảo P trình bày nhiều lần T mượn điện thoại của anh nhưng anh P không biết T mượn làm gì, không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Anh P đề nghị được nhận lại điện thoại Iphone 6S màu vàng do cơ quan công an thu giữ trong quá trình điều tra.

- Ông Đặng Xuân N, anh Hoàng Hùng C trình bày không biết nguồn gốc tiền T chuyển trả nợ từ đâu mà có và không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Ông N đề nghị HĐXX trả toàn bộ số tiền 20.000.000đ ông đã nộp cho anh Bùi Công N.

- Đại diện VKS tham gia phiên tòa luận tội, xác định bị cáo T lợi dụng tình hình dịch bệnh, có ý thức chiếm đoạt tiền của các bị hại ngay từ đầu, thể hiện ở việc bị cáo không kinh doanh khẩu trang y tế, biết được thời điểm đó tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và số lượng khẩu trang y tế khan hiếm nhưng khi anh Đ, anh N nhờ T mua khẩu trang y tế với số lượng lớn thì T

đồng ý ngay và khi nhận được tiền của anh Đ anh N thì T chuyển ngay cho anh O dùng vào việc đánh bạc. T không mua được khẩu trang giúp anh Đ, anh N nhưng vẫn nhiều lần cung cấp thông tin không có thật để anh Đ, anh N tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo. Do đó VKS giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như bản cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Thị Bích T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, l khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt Đặng Thị Bích T từ 13 năm 6 tháng – 14 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2020. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự : Tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone Xs max màu vàng có số Imei 353094100095252 kèm sim số 0947.846.999 của T; tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0983.314.233 và thông báo cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội biết; trả cho anh Đặng Hà Bảo P 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng có số Imei: 355690070662688. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS, trả cho anh Bùi Công N 20.000.000đ, buộc bị cáo T còn phải trả cho anh N 634.000.000đ, trả cho anh Ngô Ngọc Đ 15 triệu đồng. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai báo, người bào chữa không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của Đặng Thị Bích T tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra điều tra, lời khai của bị hại, sao kê tài khoản Ngân hàng, tin nhắn thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để tham gia đánh bạc trên mạng Internet và để trả nợ, từ ngày 07/02/2020 đến ngày 15/02/2020, thông qua mạng xã hội Zalo, Đặng Thị Bích T đã đưa ra các thông

tin gian dối về việc có thể mua được hàng khẩu trang y tế giúp anh Bùi Công N, sinh năm 1988, trú tại thôn K, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương và anh Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên làm cho anh N, anh Đ tin tưởng giao tiền cho T bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của T từ dịch vụ chuyển tiền Viettel tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương và chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của anh N, anh Đ và của một số người do anh N, anh Đ mượn tiền chuyển cho T; T đã chiếm đoạt tổng số 1.406.000.000 đồng của anh N, anh Đ, trong đó chiếm đoạt 1.121.000.000 đồng của anh N, 285.000.000 đồng của anh Đ. T đã trả lại anh Đ, anh N tổng số tiền là 737.000.000 đồng, trong đó trả anh Đ 270.000.000 đồng, trả anh N 467.000.000 đồng; còn lại chưa trả tổng số tiền là 669.000.000 đồng, trong đó của anh N là 654.000.000 đồng, của anh Đ là 15.000.000 đồng.

Bị cáo không kinh doanh, không làm ngành nghề liên quan đến khẩu trang y tế. Bị cáo biết thời điểm đó diễn biến dịch bệnh Covid-19 ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung hết sức phức tạp, khẩu trang y tế là một công cụ phòng chống dịch rất hiệu quả nên khan hiếm, không có khả năng mua với số lượng lớn nhưng khi anh Đ, anh N nhờ bị cáo mua khẩu trang y tế thì bị cáo lợi dụng nhu cầu của anh Đ và anh N nên đồng ý. Bị cáo dùng thủ đoạn cung cấp thông tin gian dối về việc có nguồn hàng khẩu trang y tế, có người quen công tác ở bệnh viện, có thể mua được khẩu trang y tế số lượng lớn giúp anh N, anh Đ để chiếm đoạt của anh N 1.121.000.000đ và chiếm đoạt của anh Đ 285.000.000đ, tổng là 1.406.000.000đ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, đánh bạc trên mạng và trả nợ nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Vì vậy VKS truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết tăng nặng: Mặc dù ban đầu không phải T chủ động liên hệ với anh Đ, anh N để giúp hai người này mua khẩu trang y tế nhưng như đã phân tích ở trên, bị cáo lợi dụng nhu cầu mua khẩu trang y tế trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, 15 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh N và anh Đ, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Lợi dụng dịch bệnh" quy định tại điểm g, l khoản 1 Điều 52 BLHS. Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi có hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã trả một phần số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo đã nhờ gia đình và bố bị cáo là ông Đặng Xuân N đã nộp 20.000.000đ để trả cho các bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản cho bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo gây ra, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng mức hình phạt thật tương xứng để có tác dụng giáo dục, răn đe người phạm tội và phòng ngừa chung có hiệu quả. Tuy nhiên trong tổng 1.406.000.000đ chiếm đoạt, T đã trả cho các bị hại 737.000.000đ và nhờ gia đình nộp thêm 20.000.000đ để tiếp tục trả cho các bị cáo, số tiền đã trả chiếm hơn ½ số tiền chiếm đoạt, HĐXX sẽ xem xét tình tiết này khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng đồng, lắp sim số 0947.846.999 T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- 01 sim điện thoại số 0983.314.233 của chị Nguyễn Thị Lan H đổi sim với bị cáo mượn. Chị H không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy và thông báo cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội biết.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, số Imei: 355690070662688, lắp sim số 0355.981.601 là của anh Đặng Hà Bảo P, anh P không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị được nhận lại nên trả cho anh P.

- Số tiền 20.000.000đ do ông Đặng Xuân N nộp để trả cho các bị hại. Ông N đề nghị trả toàn bộ 20.000.000đ cho anh N nên trả cho anh N số tiền này.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo chiếm đoạt của anh N số tiền 1.121.000.000đ, đã trả 467.000.000đ và 20.000.000đ hiện đang quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; chiếm đoạt của anh Đ số tiền 285.000.000đ, đã trả 270.000.000đ. Anh N và anh Đ yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại nên buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho anh N 634.000.000đ, trả cho anh Đ 15.000.000đ theo quy định tại Điều 48 BLHS.

- Đối với chị Đỗ Thị U1, chị Nguyễn Thị M1 là người anh Đ nhờ chuyển tiền đến tài khoản của T, anh Đ đã trả lại tiền cho chị U1, chị M1 và những người này không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Chị Vũ Thị Thu U2 là người anh Đ đã nhờ chuyển 5.000.000 đồng cho T, hiện chị U2 vắng mặt ở địa phương, anh Đ xác định có vay và nhận trách nhiệm trả số tiền trên cho chị U2 nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với anh Vũ Xuân X, chị Nhữ Lê Y, chị Nguyễn Thị G và chị Bùi Thị I là những người anh N nhờ chuyển tiền đến tài khoản của T đã được anh N nhận trách nhiệm và trả lại tiền, những người này không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án, lệ phí Tòa án.

[9] Các vấn đề khác:

- Đối với anh Ngô Ngọc Đ nhờ Đặng Thị Bích T mua khẩu trang y tế để bán lại cho Công ty TNHH G nơi đang làm việc để hưởng tiền chênh lệch; anh Bùi Công N và chị Nhữ Lê Y nhờ T mua khẩu trang để bán kiếm lời; những người này bị T đưa ra các thông tin gian dối mua giúp hàng khẩu trang để chiếm đoạt tiền nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với đối tượng xe ô tô T thuê mạo tên C để trao đổi về việc mua bán khẩu trang với T, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xem xét xử lý.

- Đối với anh Đặng Hà Bảo P cho T mượn điện thoại di động của mình, căn cứ lời khai của Phúc, T và kết quả giám định âm thanh không xác định được giọng nói của người trao đổi với T về việc mua bán khẩu trang, không có căn cứ đánh giá anh P biết T sử dụng điện thoại thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Đ, anh N nên không có căn cứ xác định anh P đồng phạm với T về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Đối với những người được T chuyển tiền trả nợ từ tiền chiếm đoạt được là ông Đặng Xuân N, anh Nguyễn Ích M, anh Hoàng Hùng C, chị Nguyễn Thị P và chị Trần Thị M2, tài liệu điều tra xác định những người này không biết số tiền T đã trả nợ là do phạm tội mà có, đã sử dụng cá nhân hết nên không xem xét xử lý và không yêu cầu nộp lại số tiền đã nhận.

- Đối với hành vi có dấu hiệu phạm tội Đánh bạc của Đặng Thị Bích T: hiện chưa làm rõ được những người đứng tên chủ tài khoản Ngân hàng nhận tiền, chuyển tiền qua tài khoản của T để quy đổi số tiền ảo nạp tiền đánh bạc và chuyển tiền được do đánh bạc mà có; mặt khác chưa xác định được ai, tổ chức nào lập ra các trang mạng để tổ chức đánh bạc, chỉ có lời khai, giải trình của T về việc đăng nhập các trang mạng, hình thức đánh bạc và việc chuyển tiền đánh bạc, nhận tiền được qua đánh bạc nên chưa có đủ căn cứ để khởi tố T về tội đánh bạc nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, l khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS 2015.

2. Về tội danh: Tuyên bố Đặng Thị Bích T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt: Xử phạt Đặng Thị Bích T 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/02/2020.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng đồng, lắp sim số 0947.846.999.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0983.314.233 và thông báo cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội biết.

- Trả anh Đặng Hà Bảo P 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, số Imei: 355690070662688, lắp sim số 0355.981.601.

- Trả cho anh Bùi Công N số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) gồm 40 tờ mệnh giá 500.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2020)

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; Điều 357, khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo cáo Đặng Thị Bích T trả cho anh Bùi Công N số tiền 634.000.000đ (Sáu trăm ba mươi bốn triệu đồng) và trả cho anh Ngô Ngọc Đ 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thị Bích T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 29.960.000đ (Hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo : Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Riêng người có quyền lợi liên quan chỉ có quyền kháng cáo bản án đối với phần liên quan đến mình.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Văn phòng CSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu Tòa; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Chất